

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN /KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

**1. Tên học phần:**

Tiếng Việt: *Kế toán 1*

Tiếng Anh: *Accounting 1*

**Mã học phần:** DHCQ0087

**Số tín chỉ học phần:** 3(3;0)

**Số tiết học phần:**

Lý thuyết: 45 tiết; thực hành/thí nghiệm: 0 tiết

Tự học: 105 tiết

**2. Đơn vị quản lý học phần**

2.1. Giảng viên giảng dạy: Có trình độ thạc sĩ trở lên, Khôi Kinh tế.

2.2. Bộ môn: Kế toán

2.3. Khoa: Kinh tế

**3. Điều kiện tiên quyết học phần:**

Học xong học phần Nguyên lý kế toán

**4. Mục tiêu của học phần:**

Trang bị cho sinh viên các kiến thức về: Phương pháp hạch toán kế toán cho các doanh nghiệp từ đó vận dụng từng phần hành kế toán vào các doanh nghiệp cụ thể

**4.1. Kiến thức:**

4.1.1. Có Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh để vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn.

4.1.2. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp hạch toán kế toán vốn bằng tiền, vật tư, tiền lương trong các doanh nghiệp.

**4.2. Kỹ năng:**

4.2.1. Có kỹ năng đánh giá, phân tích, tổng hợp, tư duy sáng tạo, năng lực dẫn dắt, giải quyết vấn đề

4.2.2. Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

4.2.3. Có khả năng tự cập nhật những vấn đề mới và những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán và môi trường kinh doanh để phục vụ cho công việc chuyên môn

4.2.4. Thực hiện tốt và chính xác việc hạch toán kế toán liên quan đến vốn bằng tiền, vật tư và tiền lương trong các doanh nghiệp theo đúng chuẩn mực, nguyên tắc và quy định của Nhà nước.



## 5. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành việc học học phần này, sinh viên có thể:

1. Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo

2. Thực hiện các hoạt động, các thao tác tính toán chính xác, linh hoạt trong lĩnh vực được học.

3. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp những kiến thức chuyên môn chủ yếu về kế toán tài chính doanh nghiệp với các nội dung: Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước; kế toán các loại vật tư và kế toán tiền lương

## 7. Cấu trúc nội dung học phần

| Đề mục          | Nội dung  | Số tiết   |           |          | Mục tiêu                |
|-----------------|---|-----------|-----------|----------|-------------------------|
|                 |   | Tổng      | LT        | TH/TN    |                         |
| <b>Chương 1</b> | <b>Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu</b>      | <b>12</b> | <b>12</b> | <b>0</b> |                         |
| 1.1             | Kế toán vốn bằng tiền                                   | 6         | 6         |          | 4.1.1<br>4.1.2          |
| 1.2             | Kế toán các khoản phải thu                              | 6         | 6         |          | 4.2.3<br>4.2.4          |
| <b>Chương 2</b> | <b>Kế toán vật tư</b>                                   | <b>24</b> | <b>24</b> | <b>0</b> |                         |
| 2.1             | Tổng quan về vật tư                                     | 3         | 3         | 0        | 4.1.1                   |
| 2.2             | Kế toán chi tiết vật tư                                 | 1         | 1         | 0        | 4.1.2                   |
| 2.3             | Kế toán vật tư theo PP kê khai thường xuyên             | 12        | 12        | 0        | 4.2.1<br>4.2.2          |
|                 | <b>Kiểm tra giữa kỳ</b>                                 | <b>2</b>  | <b>2</b>  | <b>0</b> | 4.2.3                   |
| 2.4             | Kế toán vật tư theo PP kiểm kê định kỳ                  | 6         | 6         | 0        | 4.2.4                   |
| <b>Chương 3</b> | <b>Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương</b> | <b>9</b>  | <b>9</b>  | <b>0</b> |                         |
| 3.1             | Tổng quan về tiền lương và các khoản trích theo lương   | 3         | 3         | 0        | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1 |
| 3.2             | Kế toán tiền lương                                      | 3         | 3         | 0        | 4.2.2                   |
| 3.3             | Kế toán các khoản trích theo lương                      | 3         | 3         | 0        | 4.2.3<br>4.2.4          |
|                 | <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>45</b> | <b>45</b> | <b>0</b> |                         |



## **8. Phương pháp giảng dạy**

### *1. Thuyết giảng/thuyết trình*

Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên có trách nhiệm nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt. Đồng thời sinh viên cũng trình bày quan điểm của bản thân hoặc đại diện cho nhóm để đưa ra các nội dung cần thảo luận trước tập thể.

### *2. Giải thích cụ thể*

Giáo viên sẽ giải thích và hướng dẫn chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, hoặc các vấn đề trong thực tế xã hội giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu về cả kiến thức và kỹ năng.

### *3. Thảo luận*

Sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Phương pháp này thúc đẩy sinh viên làm rõ các khái niệm, ý tưởng và các thông tin xoay quanh chủ đề đặc biệt là các vấn đề thực tế; thông qua trao đổi bằng lời nói với bạn học và giảng viên để kết nối các ý tưởng, kinh nghiệm để phản ánh nhiều ý nghĩa của khái niệm hay vấn đề.

### *4. Đặt vấn đề/ giải quyết vấn đề*

Giảng viên tạo ra những tình huống có vấn đề, điều khiến sinh viên phát hiện vấn đề hay thách thức trong thực tế để sinh viên hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo để giải quyết vấn đề bằng quan điểm cá nhân và kiến thức đã lĩnh hội. Thông qua đó chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng và đạt được những mục đích học tập khác

### *5. Đọc và nghiên cứu tài liệu*

Phương pháp này phát triển khả năng tự học của sinh viên để chuẩn bị bài trước buổi học và ôn tập bài sau buổi học.

## **9. Nhiệm vụ của sinh viên:**

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có mặt tối thiểu 70% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia và hoàn thành đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Làm đầy đủ các bài tập được giao và đọc thêm tài liệu mà giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình, bài giảng và tài liệu khác trước khi lên lớp
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

## **10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

### **10.1. Cách đánh giá**

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:



| TT | Điểm thành phần            | Quy định   | Trọng số | Ghi chú  |
|----|----------------------------|--|----------|--|
| 1  | Điểm chuyên cần            | Số tiết sinh viên tham dự học/tổng số tiết quy định. Ý thức, thái độ học tập trên lớp, ý thức chuẩn bị bài, làm bài tập ... của sinh viên. | 10%      | Sinh viên không tham dự đủ 70% số tiết học trên lớp và không có bài kiểm tra giữa kỳ thì không được dự thi kết thúc học phần |
| 2  | Điểm quá trình             | Bài kiểm tra giữa kỳ   | 30%      |  |
| 3  | Điểm thi kết thúc học phần | Thi Trắc nghiệm + Tự luận (90 phút)  | 60%      |  |

### 10.2. Cách tính điểm:

Điểm học phần bao gồm điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần thực hiện theo công thức sau:

$$\boxed{\text{Điểm học phần}} = \boxed{\text{Điểm chuyên cần} \times 0.1} + \boxed{\text{Điểm quá trình} \times 0.3} + \boxed{\text{Điểm thi kết thúc học phần} \times 0.6}$$

Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy chế đào tạo của Nhà trường.

## 11. Tài liệu học tập:

### 11.1. Tài liệu chính:

[1] Giáo trình Kế toán tài chính doanh nghiệp 1 - Chủ biên TS Lãnh Thị Hòa – Khoa Kinh tế, Trường ĐHCN Quảng Ninh, xuất bản năm 2018

### 11.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Bài giảng Kế toán 1 - Bộ môn Kế toán – Khoa Kinh tế trường ĐHCN Quảng Ninh năm 2022

[2] GS.TS.NGND Ngô Thế Chi - Gtr kế toán tài chính, NXB Tài chính, 2010

[3] Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

[4] Chuẩn mực kế toán và các thông tư, quyết định của Nhà nước liên quan đến công tác kế toán.

## 12. Hướng dẫn tự học của học phần

| Chương | Nội dung              | LT (tiết) | BT (tiết) | TH (tiết) | Sinh viên cần chuẩn bị   |
|--------|-----------------------|-----------|-----------|-----------|--|
| 1      | Kế toán vốn bằng tiền | 3         | 3         | 0         | + Tài liệu (1) : Đọc từ trang 1 đến trang 52<br>+ Hiểu và phân biệt được VBT, áp dụng làm bài tập VBT trong tài liệu (1) |
|        | Kế toán các           | 3         | 3         | 0         | + Tài liệu (1) : Đọc từ trang 53 đến   |



| Chương | Nội dung  | LT<br>(tiết) | BT<br>(tiết) | TH<br>(tiết) | Sinh viên cần chuẩn bị   |
|--------|---|--------------|--------------|--------------|--|
|        | khoản phải thu  |              |              |              | trang 80<br>+) Hiểu và phân biệt được các khoản phải thu, áp dụng làm bài tập các khoản phải thu trong tài liệu (1)  |
| 2      | Tổng quan về vật tư                                   | 2            | 1            | 0            | + Tài liệu (1) : Đọc từ trang 86 đến trang 94<br>+) Hiểu và áp dụng được để xác định giá trị các loại vật tư.        |
|        | Kế toán chi tiết vật tư                               | 1            | 0            | 0            | + Tài liệu (1) : Đọc từ trang 94 đến trang 105<br>+) Hiểu và phân biệt được các phương pháp kế toán chi tiết vật tư. |
|        | Kế toán vật tư theo PP kê khai thường xuyên           | 6            | 6            | 0            | + Tài liệu (1) : Đọc từ trang 106 đến trang 158<br>+) Hiểu và áp dụng hạch toán vật tư theo PP KCTX                  |
|        | Kiểm tra giữa kỳ                                      | 0            | 2            | 0            | + Ôn lại toàn bộ nội dung đã được học<br>+) Tài liệu (1) : Đọc từ trang 159 đến trang 165                            |
|        | Kế toán vật tư theo PP kiểm kê định kỳ                | 3            | 3            | 0            | + Hiểu và áp dụng hạch toán vật tư theo PP KKĐK<br>+) Phân biệt được hai PP KCTX và KKĐK                             |
| 3      | Tổng quan về tiền lương và các khoản trích theo lương | 3            | 0            | 0            | + Tài liệu (1) : Đọc từ trang 166 đến trang 178<br>+) Hiểu và áp dụng để tính lương .                                |
|        | Kế toán tiền lương                                    | 1            | 2            | 0            | + Hiểu và áp dụng để hạch toán các nghiệp vụ liên quan tới tiền lương .  |
|        | Kế toán các khoản trích theo lương                    | 2            | 1            | 0            | + Hiểu và áp dụng để hạch toán các nghiệp vụ liên quan tới các khoản trích theo lương                                |
|        | <b>Tổng cộng</b>                                      | <b>24</b>    | <b>21</b>    | <b>0</b>     |  |

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 11 năm 2022

TRƯỜNG BỘ MÔN      GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Hoàng Hùng Thắng

ThS. Đỗ Thị Mơ

ThS. Đỗ Thị Mơ